

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-PT

Ngày 20-3-2025

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu

Các Thẩm phán: Ông Bùi Duy Thạch

Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Khánh Sơn - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2025/TLPT-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 03/2025/QĐ-PT ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 2001; nơi cư trú: Số A phố T (cũ: Tổ A), phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Bị đơn: Anh Phạm Văn C, sinh năm 1997; nơi cư trú: Thôn C, xã T (cũ: Xã T), huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt

- Người kháng cáo: Anh Phạm Văn C là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có hồ sơ vụ án, đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng ngày 16-3-2022. Vợ chồng chung sống hoà thuận được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được gia đình nhiều lần hoà giải nhưng không thành. Từ đầu tháng 01-2024 đến nay, chị và anh C đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không quan tâm nhau. Đến nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh C. Anh chị có 01 con chung là Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16-01-2023. Khi vợ chồng sống ly thân thì con chung do chị nuôi dưỡng nhưng từ cuối tháng 8-2024, anh C tự ý đón con về, không cho chị thăm gặp con. Hiện tại chị đang làm công việc nấu ăn tại trường học, thu nhập trung bình khoảng 08 triệu đến 09 triệu đồng một tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Chị đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn là anh Phạm Văn C trình bày:

Chị T1 trình bày về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, thời gian ly thân và mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Đến nay anh xác định vợ chồng tình cảm không còn, mâu thuẫn trầm trọng nên anh đồng ý ly hôn chị T. Anh chị có 01 con chung là Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16-01-2023. Từ tháng 7-2024 đến nay con chung ở với anh, cháu khoẻ mạnh, phát triển bình thường; anh đang làm công nhân, thu nhập trung bình từ 10 triệu đến 13 triệu đồng một tháng và đang ở cùng bố mẹ đẻ. Anh đề nghị được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tài liệu xác minh tại gia đình và địa phương thể hiện: Anh C và chị T tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2022. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau nên vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2024 đến nay. Anh chị có 01 con chung là Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16-01-2023. Trước đây con sống cùng chị T nhưng từ khoảng tháng 7-2024 đến nay anh C đón con về nuôi dưỡng, không cho chị T thăm gặp con. Hiện cả anh C và chị T đều sống cùng bố mẹ đẻ, được gia đình hỗ trợ về chỗ ở và giúp đỡ anh chị trông nom, chăm sóc cháu M.

Với nội dung trên, Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16-5-2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn C thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao con chung Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16-01-2023 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 24-12-2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng cho con chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo, quyền thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, anh Phạm Văn C có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm: Giao con chung Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16/01/2023 cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Văn C giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày: Anh C đồng ý với bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân nhưng không đồng ý giao con chung Huệ Mẫn cho chị T nuôi vì chị T không có thời gian chăm lo được cho con đầy đủ. Trước kia anh chị sống cùng bố mẹ chị T, anh đi làm nên chủ yếu ở nhà bố mẹ đẻ, cuối tuần mới về sống cùng vợ, con. Khi hai vợ chồng sống chung thì không có kinh tế, hàng tháng anh C đưa cho chị T 05 triệu đồng để nuôi con. Anh chị sống ly thân từ đầu năm 2024, đến tháng 7/2024 thì anh đón cháu Huệ M về ở cùng; trong thời gian đó chị T không cấp dưỡng nuôi con, không có thời gian chăm sóc con. Vì vậy, anh đề nghị Tòa án giao con chung cho anh nuôi. Anh T2 có công việc, anh làm công nhân lương hiện tại ở công ty từ 12 triệu đến 17 triệu đồng/1 tháng nên không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị T trình bày tại phiên tòa phúc thẩm: Hiện chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp, mức lương trung bình từ 11 triệu đến 13 triệu đồng/ 1 tháng. Khi vợ chồng sống chung hàng tháng anh C đi làm chỉ đưa cho chị 05 triệu đồng/ tháng

và tiền này chỉ đủ để nuôi con, không đủ để lo cho cuộc sống gia đình. Sau khi vợ chồng sống ly thân, tháng 7/2024 anh C tự ý đón con về nuôi và ở cùng ông bà nội ở quê (huyện T, Hải Phòng). Nhiều lần chị T muốn đón con về nhưng anh C không đồng ý. Thời gian con ở với anh C chị T không gửi tiền nuôi con vì anh C nói không cần tiền cấp dưỡng nuôi con. Khi chị nuôi con, chị vẫn chăm sóc con chu đáo; có lần chị không cho con đi tiêm phòng vì cháu đang bị đau mắt, chị hỏi bác sĩ bảo trong thời gian điều trị đau mắt không được tiêm nên sau khi con khỏi chị đã cho cháu đi tiêm phòng đầy đủ. Chị Tuyết không đồng ý cho anh C nuôi con vì cháu là con gái, còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn và nếu cháu Huệ M ở với bố thì anh C sẽ đưa cháu về quê sống cùng ông bà nội; chị T cho rằng điều kiện ở quê không bằng điều kiện ở nội thành cho việc học hành, sinh hoạt của cháu Huệ M.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tại phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, Thư ký đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung kháng cáo: Đơn kháng cáo của anh C trong thời hạn luật định nên được xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Anh C kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm, giao con chung Phạm Vũ Huệ M cho anh nuôi nhưng anh không đưa ra được căn cứ chính đáng. Hơn nữa, cháu Huệ M chưa đủ 36 tháng tuổi nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn C về việc thay đổi người nuôi con. Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên anh Phạm Văn C phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn kháng cáo. Xét kháng cáo của bị đơn trong thời hạn

luật định, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng thụ lý xét xử phúc thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

- Xét kháng cáo của anh Phạm Văn C về việc đề nghị giao con chung Phạm Vũ Huệ M cho anh trực tiếp nuôi dưỡng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh C có một con chung là Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16/01/2023. Trách nhiệm nuôi dưỡng chăm sóc con chung là quyền lợi, nghĩa vụ của cả chị T và anh C. Tuy nhiên căn cứ khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cháu Phạm Vũ Huệ M dưới 36 tháng tuổi và chị T công việc, thu nhập và chỗ ở; không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung nên Tòa án cấp sơ thẩm đã giao cháu Phạm Vũ Huệ M cho chị T nuôi dưỡng là có căn cứ đúng quy định pháp luật. Như vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn C, giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, anh Phạm Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tổ tụng dân sự;

Căn cứ các điều 58; 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Phạm Văn C về việc nuôi con chung.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

1. Về con chung: Giao con chung Phạm Vũ Huệ M, sinh ngày 16-01-2023 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con, chị T và anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Anh Phạm Văn C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012455 ngày 13 tháng 02 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng. Anh Phạm Văn C đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 82/2024/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng, Tp Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Thu

